

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Bà Đào Đức Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Phan Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Trọng H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, phường M, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A đường P, ấp H, phường M, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: Số A đường P, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/5/2025 của nguyên đơn Trần Trọng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng H với bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/6/2007. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất

đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Tú T1, sinh ngày 20/01/2004, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Trần Trọng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.
- Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó vụ án được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý

vào ngày 09/6/2025, nay do Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T, thấy rằng: Ông Trần Trọng H với bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường M, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 15/6/2007 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, hiện nay ông bà không còn sống chung như vợ chồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập bị đơn đến làm việc và hòa giải nhưng bị đơn không đến, chứng tỏ bị đơn không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của ông Trần Trọng H với bà Nguyễn Thị Thanh T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Trọng Hữu .

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Tú T1, sinh ngày 20/01/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Trọng H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trọng H phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001746 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Cần Thơ), Ông Trần Trọng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh

